

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 52

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều Hành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Ban Điều Hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Chương	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Hoàng Sơn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Hồ Quốc Phi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Mai Lâm	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Hồ Hữu Thiết	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Hồ Đình Việt	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hồ Chương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Hữu Thiết	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều Hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều Hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Điều Hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều Hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều Hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều Hành,



Hồ Huy

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đại diện theo Pháp luật

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Số: 940 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Ban Điều Hành
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 5 năm 2016, từ trang 05 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều Hành

Ban Điều Hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều Hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều Hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Công ty liên kết của Công ty) với số tiền là 40.488.371.419 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị của khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các bên liên quan ký các hợp đồng mua bán cổ phần cho một cá nhân. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, sổ đăng ký cổ đông của Công ty không thể hiện sự thay đổi về cổ đông liên quan tới giao dịch này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC để phù hợp với việc so sánh số liệu của năm nay.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 5 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		497.051.332.185	457.364.444.777
I. Tiền	110		8.420.521.065	31.233.786.905
1. Tiền	111	5	8.420.521.065	31.233.786.905
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	42.000.000	42.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		346.000.000	346.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(304.000.000)	(304.000.000)
III. Phải thu ngắn hạn	130		483.467.451.145	421.879.562.429
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	39.015.084.211	50.958.286.450
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.331.971.945	3.407.340.330
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	22.650.000.000	11.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	456.138.306.784	391.400.521.392
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(37.667.911.795)	(35.536.585.743)
IV. Hàng tồn kho	140		1.426.133.308	2.094.728.705
1. Hàng tồn kho	141	11	1.426.133.308	2.094.728.705
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.695.226.667	2.114.366.738
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.695.226.667	2.114.366.738
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		774.853.094.489	817.343.748.257
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.189.142.400	49.732.485.558
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	48.215.000.000	48.215.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	1.974.142.400	1.517.485.558
II. Tài sản cố định	220		270.820.016.162	300.147.556.629
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	259.011.935.030	248.032.981.961
- Nguyên giá	222		483.431.663.744	444.584.359.306
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(224.419.728.714)	(196.551.377.345)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	11.808.081.132	52.114.574.668
- Nguyên giá	225		32.555.964.051	84.524.098.608
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.747.882.919)	(32.409.523.940)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		78.897.000	78.897.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.897.000)	(78.897.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	178.481.717.259	182.447.977.647
- Nguyên giá	231		198.313.019.200	198.313.019.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.831.301.941)	(15.865.041.553)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		251.964.337.029	251.964.337.029
1. Đầu tư vào công ty con	251	6, 16	194.906.708.448	194.906.708.448
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6, 17	79.000.000.000	79.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	18.546.000.000	18.546.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(40.488.371.419)	(40.488.371.419)
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.397.881.639	33.051.391.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	23.397.881.639	27.782.268.259
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	-	5.269.123.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.271.904.426.674	1.274.708.193.034

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		729.800.817.535	738.135.549.516
I. Nợ ngắn hạn	310		364.456.165.814	309.361.317.667
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	32.967.016.562	11.491.467.003
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		528.175.364	1.099.958.532
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	3.113.094.416	5.997.587.653
4. Phải trả người lao động	314		4.708.287.586	4.879.360.386
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	8.120.714.682	7.939.509.417
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	743.343.951	79.050.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	177.674.967.764	134.793.304.535
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	132.410.169.592	63.281.837.244
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.190.395.897	828.292.897
II. Nợ dài hạn	330		365.344.651.721	428.774.231.849
1. Phải trả dài hạn khác	337	23	274.595.281.589	267.868.924.843
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	90.749.370.132	160.905.307.006
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		542.103.609.139	536.572.643.518
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	542.103.609.139	536.572.643.518
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.253.320.000	486.253.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		486.253.320.000	486.253.320.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.214.045.652	23.214.045.652
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.236.243.487	39.705.277.866
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.377.414.088	3.330.078.187
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		32.858.829.399	36.375.199.679
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.271.904.426.674	1.274.708.193.034



Nguyễn Văn Nga
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016



Trịnh Bá Cường
Kế toán trưởng



Hồ Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đại diện theo Pháp luật

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	474.876.527.617	508.112.469.184
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		474.876.527.617	508.112.469.184
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	424.966.066.130	433.221.955.295
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		49.910.461.487	74.890.513.889
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	45.446.348.178	33.467.294.049
6. Chi phí tài chính	22	32	24.121.841.170	36.143.821.444
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.121.841.170	36.683.441.414
7. Chi phí bán hàng	25	33	7.830.117.673	8.555.699.581
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	33.425.301.593	34.888.652.344
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		29.979.549.229	28.769.634.569
10. Thu nhập khác	31	35	16.698.237.794	15.887.145.436
11. Chi phí khác	32	36	7.002.755.878	4.811.539.357
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9.695.481.916	11.075.606.079
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		39.675.031.145	39.845.240.648
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	2.179.373.388	4.435.174.220
15. Chi phí/ (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp	52	37	4.636.828.358	(965.133.251)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		32.858.829.399	36.375.199.679

Nguyễn Văn Nga
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Trịnh Bá Cường
Kế toán trưởng

Hồ Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đại diện theo Pháp luật

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	39.675.031.145	39.845.240.648
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	74.575.632.910	75.458.969.185
Các khoản dự phòng	03	2.131.326.052	4.324.627.663
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(54.194.284.247)	(14.283.610.722)
Chi phí lãi vay	06	24.121.841.170	36.683.441.414
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08	86.309.547.030	142.028.668.188
(Tăng) các khoản phải thu	09	(107.643.820.490)	(101.404.136.973)
Giảm hàng tồn kho	10	668.595.397	187.100.934
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	50.347.452.054	166.561.211.447
Giảm chi phí trả trước	12	2.803.526.691	2.066.797.808
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.790.259.074)	(36.219.186.913)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.691.713.257)	(542.897.367)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	116.605.833
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(280.800.000)	(808.239.632)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.722.528.351	171.985.923.325
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(61.879.276.368)	(75.047.856.881)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	53.942.680.382	26.131.628.537
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.000.000.000)	(8.500.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(8.812.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	3.901.461.880	2.128.266.200
6. Tiền thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.440.500.216	8.552.494.049
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.594.633.890)	(55.547.468.095)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	208.052.793.083	138.294.727.882
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(185.868.440.810)	(204.346.630.167)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(23.211.956.799)	(16.426.192.345)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.913.555.775)	(12.018.686.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.941.160.301)	(94.496.781.494)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(22.813.265.840)	21.941.673.736
Tiền đầu năm	60	31.233.786.905	9.292.113.169
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	8.420.521.065	31.233.786.905

Nguyễn Văn Nga
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Trịnh Bá Cường
Kế toán trưởng

Hồ Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đại diện theo Pháp luật

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 52 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000336 ngày 14 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014 là 486.253.320.000 VND.

Chủ sở hữu của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.733 (31 tháng 12 năm 2014: 1.776).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Giáo dục khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn, chuyên doanh khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh trực thuộc Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ (Thành phố Hà Nội) tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (Thành phố Hà Nội) tại số 192 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Nhuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	100%	Dịch vụ taxi
2	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Dịch vụ taxi
3	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Dịch vụ taxi
4	Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	75%	Dịch vụ taxi
5	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
6	Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ taxi
7	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Dịch vụ taxi
8	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
9	Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	93%	93%	Dịch vụ taxi
10	Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
11	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
12	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Dịch vụ taxi
13	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
14	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	87%	Dịch vụ taxi
15	Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	96%	Dịch vụ taxi
16	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	100%	Dịch vụ taxi
17	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	100%	Dịch vụ taxi

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	36,37%	36,37%	Dịch vụ taxi

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo riêng này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Điều Hành đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều Hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều Hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 09
Xe hợp tác kinh doanh	06 - 09
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Khác	03 - 05

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

	Năm 2015 (Số năm)
Phương tiện vận tải	06 - 09

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh và lô đất tại phường An Lạc, quận Tân Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm:

Chi phí thuê nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh trong 15 năm với tổng số tiền 51.636.363.636 VND. Chi phí thuê nhãn hiệu trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Ban Điều Hành Công ty quyết định không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ phát sinh lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 do khả năng có lãi trong các năm tiếp theo để bù đắp là không chắc chắn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	51.716.316	27.628.819
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.368.804.749	31.206.158.086
	8.420.521.065	31.233.786.905

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)
	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

b1) Đầu tư vào công ty con

Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc

	194.906.708.448	-	194.906.708.448	-
	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
	11.100.000.000	-	11.100.000.000	-
	20.028.413.448	-	20.028.413.448	-
	10.400.000.000	-	10.400.000.000	-
	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
	11.116.295.000	-	11.116.295.000	-
	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
	20.366.000.000	-	20.366.000.000	-
	3.800.000.000	-	3.800.000.000	-
	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
	25.463.000.000	-	25.463.000.000	-
	38.733.000.000	-	38.733.000.000	-
	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
	79.000.000.000	(40.488.371.419)	79.000.000.000	(40.488.371.419)
	79.000.000.000	(40.488.371.419)	79.000.000.000	(40.488.371.419)

b2) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

(*)

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

31/12/2015		31/12/2014	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
18.546.000.000	-	18.546.000.000	-
16.626.000.000	-	16.626.000.000	-
1.920.000.000	-	1.920.000.000	-
Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	

b4) Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong năm

Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương
 Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Nghệ An
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình
 Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Thanh Hóa
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc

[illegible][illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

b4) Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong năm (Tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và
Tây Nguyên (*)

Lỗ

- (*) Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên dựa trên báo cáo tài chính riêng chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với số tiền là 40.488.371.419 VND.

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần trích lập dự phòng bổ sung nếu có cho khoản đầu tư nêu trên.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con, liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 39 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán làm cơ sở đánh giá nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland	19.813.538.120	23.715.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng	-	5.868.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	2.500.000.000
Các khách hàng khác	19.201.546.091	18.875.286.450
	39.015.084.211	50.958.286.450
Trong đó		
Các khoản phải thu các khách hàng là các bên liên quan (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 39)	-	2.500.000.000

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Phân loại lại) VND
a. Cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	8.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nghệ An	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
	22.650.000.000	11.650.000.000
b. Cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
	48.215.000.000	48.215.000.000
Trong đó		
Các khoản phải thu về cho vay các bên liên quan (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 39)	70.865.000.000	59.865.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Phân loại lại) VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu các công ty con (i)	36.224.215.627	22.596.021.283
- Phải thu về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương (ii)	-	64.000.000.000
- Phải thu các đơn vị trong cùng Tập đoàn Mai Linh (i)	369.769.200.410	256.591.198.905
- Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh (iii)	23.046.993.038	31.661.105.267
- Tạm ứng	3.805.704.066	5.830.125.406
- Phải thu thuế được hoàn (iv)	3.481.207.326	-
- Phải thu người lao động	1.151.571.209	2.988.297.874
- Ký cược, ký quỹ	900.000.000	1.554.142.400
- Phải thu thuế GTGT được khấu trừ từ tài sản thuê tài chính	-	1.649.506.654
- Phải thu khác	17.759.415.108	4.530.123.603
	456.138.306.784	391.400.521.392
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	1.974.142.400	1.517.485.558
	1.974.142.400	1.517.485.558
Trong đó		
Các khoản phải thu khác các bên liên quan (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 39)	408.430.963.786	279.808.703.237

- (i) Số phải thu các công ty con và các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh chủ yếu liên quan đến nghiệp vụ nhờ thu hộ tiền thẻ taxi MCC và các nghiệp vụ mua bán tài sản cố định, vật tư, sửa chữa...
- (ii) Phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương do khoản đầu tư này đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giao dịch chuyển nhượng đã được hoàn thành.
- (iii) Phản ánh số tiền phải thu chủ đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh trong thời hạn 01 năm.
- (iv) Phản ánh số tiền thuế được hoàn theo Biên bản Thanh tra thuế giai đoạn 2010 - 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi
		VND		VND
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.025.699.409	150.150.000	20.947.108.556	71.559.147
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	150.150.000	150.150.000	71.559.147	71.559.147
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	20.875.549.409	-	20.875.549.409	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	10.652.024.788	1.117.878.479	10.053.068.504	518.922.195
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	1.117.878.479	1.117.878.479	518.922.195	518.922.195
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	9.534.146.309	-	9.534.146.309	-
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	-	4.983.833.034	1.495.149.910
- Quá hạn thanh toán từ 2 năm đến 3 năm	4.983.833.034	-	4.983.833.034	1.495.149.910
Đối tượng khác	2.444.820.600	170.437.557	3.925.877.866	2.287.670.965
	39.106.377.831	1.438.466.036	39.909.887.960	4.373.302.217

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.401.951.520	2.002.365.069
Hàng hóa	24.181.788	92.363.636
	1.426.133.308	2.094.728.705

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm rủi ro tài sản	3.303.571.853	1.709.392.004
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	391.654.814	404.974.734
	3.695.226.667	2.114.366.738
b. Dài hạn		
Chi phí thuê nhãn hiệu	20.377.272.724	23.819.696.966
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	481.894.041	2.854.353.391
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.538.714.874	1.108.217.902
	23.397.881.639	27.782.268.259

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B09-DN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Xe hợp tác kinh doanh	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2015	260.000.000	331.030.070	183.264.932.602	259.052.412.458	1.600.984.176	75.000.000	444.584.359.306
Mua sắm mới	110.000.000	-	86.366.576.368	-	-	-	86.476.576.368
Phân loại lại tài sản thuế tài chính	-	-	24.066.871.431	-	-	-	24.066.871.431
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(78.397.161.310)	78.397.161.310	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(28.120.209.506)	(43.575.933.855)	-	-	(71.696.143.361)
Tại ngày 31/12/2015	370.000.000	331.030.070	187.181.009.585	293.873.639.913	1.600.984.176	75.000.000	483.431.663.744
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2015	212.333.317	331.030.070	59.638.444.347	135.102.651.374	1.221.918.237	45.000.000	196.551.377.345
Trích khấu hao trong năm	52.249.997	-	22.614.617.537	39.985.696.805	179.420.501	15.000.000	62.846.984.840
Phân loại lại tài sản thuế tài chính	-	-	8.752.006.966	-	-	-	8.752.006.966
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(35.876.209.902)	35.876.209.902	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(13.534.600.274)	(30.196.040.163)	-	-	(43.730.640.437)
Tại ngày 31/12/2015	264.583.314	331.030.070	41.594.258.674	180.768.517.918	1.401.338.738	60.000.000	224.419.728.714
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2015	105.416.686	-	145.586.750.911	113.105.121.995	199.645.438	15.000.000	259.011.935.030
Tại ngày 31/12/2014	47.666.683	-	123.626.488.255	123.949.761.084	379.065.939	30.000.000	248.032.981.961

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã thể chấp phương tiện vận tải và xe hợp tác kinh doanh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 159.934.231.150 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 190.879.682.296 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.631.375.428 VND (31 tháng 12 năm 2014: 7.156.280.990 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	84.524.098.608
Chuyển sang TSCĐHH	(24.066.871.431)
Thanh lý, nhượng bán	(27.901.263.126)
Tại ngày 31/12/2015	32.555.964.051
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	32.409.523.940
Trích khấu hao trong năm	7.762.387.682
Chuyển sang TSCĐHH	(8.752.006.966)
Thanh lý, nhượng bán	(10.672.021.737)
Tại ngày 31/12/2015	20.747.882.919
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	11.808.081.132
Tại ngày 31/12/2014	52.114.574.668

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ**

	Nhà xưởng và quyền sử dụng đất
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	198.313.019.200
Tại ngày 31/12/2015	198.313.019.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	15.865.041.553
Trích khấu hao trong năm	3.966.260.388
Tại ngày 31/12/2015	19.831.301.941
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	178.481.717.259
Tại ngày 31/12/2014	182.447.977.647

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 178.481.717.259 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 182.447.977.647 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 3.966.260.388 VND (năm 2014: 3.966.260.388 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ (Tiếp theo)****Danh mục chi tiết BĐS đầu tư**

	Giá trị còn lại	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, TP. Hồ Chí Minh	58.272.857.259	59.567.809.647
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	120.208.860.000	122.880.168.000
	178.481.717.259	182.447.977.647

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2015	Hoạt động chính
VND					
1	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	6.000.000.000	Dịch vụ taxi
2	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	6.000.000.000	Dịch vụ taxi
3	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	11.100.000.000	Dịch vụ taxi
4	Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	20.028.413.448	Dịch vụ taxi
5	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	10.400.000.000	Dịch vụ taxi
6	Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	12.000.000.000	Dịch vụ taxi
7	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	11.116.295.000	Dịch vụ taxi
8	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	4.000.000.000	Dịch vụ taxi
9	Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	93%	20.366.000.000	Dịch vụ taxi
10	Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	3.800.000.000	Dịch vụ taxi
11	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	5.000.000.000	Dịch vụ taxi
12	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	3.600.000.000	Dịch vụ taxi
13	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	9.500.000.000	Dịch vụ taxi
14	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	25.463.000.000	Dịch vụ taxi
15	Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	38.733.000.000	Dịch vụ taxi
16	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	6.000.000.000	Dịch vụ taxi
17	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	1.800.000.000	Dịch vụ taxi
				194.906.708.448	

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

STT	Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2015	Hoạt động chính
VND					
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	36,37%	79.000.000.000	Dịch vụ taxi
				79.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	5.269.123.135
	<u>-</u>	<u>5.269.123.135</u>

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	14.854.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Long Biên	9.110.500.000	-
Công ty TNHH Ô tô Huyndai Giải Phóng	-	4.830.000.000
Khác	9.002.516.562	6.661.467.003
	<u>32.967.016.562</u>	<u>11.491.467.003</u>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	01/01/2015	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.010.931.810	18.373.478.156	19.788.235.132	596.174.834
- Thuế GTGT đầu ra	2.010.931.810	18.373.478.156	19.788.235.132	596.174.834
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.441.713.258	2.179.373.388	3.691.713.257	1.929.373.389
Các loại thuế khác	544.942.585	1.754.416.209	1.711.812.601	587.546.193
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	544.942.585	1.751.416.209	1.708.812.601	587.546.193
Cộng	<u>5.997.587.653</u>	<u>22.307.267.753</u>	<u>25.191.760.990</u>	<u>3.113.094.416</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	4.663.858.226	4.332.276.130
Trích trước chi phí tiền lương	3.169.414.662	3.091.287.450
Các khoản khác	287.441.794	515.945.837
	<u>8.120.714.682</u>	<u>7.939.509.417</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Doanh thu nhận trước (i)	-	79.050.000.000
Các khoản khác (ii)	743.343.951	-
	<u>743.343.951</u>	<u>79.050.000.000</u>

(i) Doanh thu chưa thực hiện của Công ty bao gồm khoản tiền nhận trước và khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland với số tiền lần lượt là 55.335.000.000 VND và 23.715.000.000 VND từ việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 22 tháng 4 năm 2014. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, theo các điều khoản của hợp đồng, giao dịch chuyển nhượng này đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu nhận trước của khách hàng nhưng chưa sử dụng dịch vụ taxi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	51.387.838.839	27.886.765.445
Phải trả các công ty con	34.667.982.113	26.273.317.052
Phải trả các đơn vị khác trong Tập đoàn	308.857.403	312.687.403
Các khoản thu chi hệ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	33.739.837.870	30.162.643.444
Phải trả cổ tức	22.893.646.107	14.970.877.440
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	13.768.591.342	11.001.565.205
Phải trả khác cán bộ, nhân viên	203.471.549	6.389.597.595
Phải trả thẻ MCC	5.557.626.729	5.453.206.259
Nhà thầu cung cấp cho Công ty Cổ phần TeLin Vạn Hương	1.881.875.161	2.755.318.661
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.295.803.925	451.406.835
Khác	11.969.436.726	9.135.919.196
	<u>177.674.967.764</u>	<u>134.793.304.535</u>

b. Dài hạn

Góp vốn xe hợp tác kinh doanh (i)	251.656.121.379	239.600.871.330
Khách hàng đặt cọc mở thẻ MCC, thuê xe	12.252.615.542	17.467.806.542
Đặt cọc của lái xe	10.686.544.668	10.800.246.971
	<u>274.595.281.589</u>	<u>267.868.924.843</u>

Trong đó

Các khoản phải trả khác là các bên liên quan		
(Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 39)	92.055.820.952	66.166.102.188

(i) Phản ánh số tiền nhận góp vốn dài hạn từ bên tham gia hợp tác kinh doanh để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi trên xe hợp tác kinh doanh. Số tiền này sẽ được trừ dần với phí sử dụng tài sản theo quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHVN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B09-DN

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2014				31/12/2015			
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Phát sinh trong năm		Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	Tăng	Giảm	VND	VND
Vay ngắn hạn - cá nhân (i)	7.457.705.479	7.457.705.479	7.457.705.479	3.830.498.916	3.830.498.916	7.155.179.213	4.133.025.182	4.133.025.182
Vay ngắn hạn - ngân hàng (ii)	-	-	-	2.150.983.241	2.150.983.241	-	2.150.983.241	2.150.983.241
Vay ngắn hạn - Công ty con (iii)	-	-	-	59.688.470.000	59.688.470.000	37.108.470.000	22.580.000.000	22.580.000.000
Vay dài hạn cá nhân đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)	-	-	-	64.373.106.311	64.373.106.311	-	64.373.106.311	64.373.106.311
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)	42.035.976.605	42.035.976.605	42.035.976.605	36.693.454.850	36.693.454.850	42.035.976.605	36.693.454.850	36.693.454.850
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)	13.788.155.160	13.788.155.160	13.788.155.160	2.479.600.008	2.479.600.008	13.788.155.160	2.479.600.008	2.479.600.008
	63.281.837.244	63.281.837.244	63.281.837.244	169.216.113.326	169.216.113.326	100.087.780.978	132.410.169.592	132.410.169.592

(i) Các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 0,62% đến 1,34%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201500394 ngày 15 tháng 5 năm 2015 có thời hạn 12 tháng với tổng hạn mức là 25.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian cho vay tối đa không quá 06 tháng và được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ. Lịch trả nợ gốc, lãi và lãi suất được quy định trong giấy nhận nợ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng. Trong quá trình sử dụng hạn mức tín dụng, tài sản đảm bảo đến đâu giải ngân đến đó với số tiền vay tối đa không vượt quá tỷ lệ tài sản đảm bảo theo quy định của Agribank. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 2.150.983.241 VND và chịu lãi suất 8,5%/năm.

(iii) Các khoản vay các đơn vị thành viên có thời hạn dưới 12 tháng hoặc không kỳ hạn, lãi suất từ 0,33% đến 0,83%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B09-DN

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng (i)	102.764.515.452	102.764.515.452	85.756.827.065	90.222.780.127	98.298.562.390	98.298.562.390
Vay dài hạn cá nhân (ii)	72.062.399.878	72.062.399.878	56.626.013.861	49.882.011.470	78.806.402.269	78.806.402.269
Vay dài hạn công ty con (ii)	13.938.000.000	13.938.000.000	-	1.500.000.000	12.438.000.000	12.438.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn (iii)	27.964.523.441	27.964.523.441	-	23.211.956.799	4.752.566.642	4.752.566.642
Cộng	216.729.438.771	216.729.438.771	142.382.840.926	164.816.748.396	194.295.531.301	194.295.531.301

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng

(xem Thuyết minh số 24)

Số phải trả sau 12 tháng

(i) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND

Vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (*)	22.117.733.325	6.249.113.329
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh (**)	14.895.000.000	22.035.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (***)	7.067.992.000	13.885.566.568
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I (****)	12.911.380.543	14.018.859.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (*****)	41.306.456.522	41.627.956.522
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	4.442.020.033
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	-	506.000.000
	98.298.562.390	102.764.515.452

103.546.161.169

90.749.370.132

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay ngân hàng cho mục đích mua tài sản cố định và được thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay. Cụ thể các khoản vay trọng yếu như sau:

(*) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng như sau:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 02/2015/231/HĐTD ngày 29 tháng 9 năm 2015 có thời hạn 51 tháng với tổng hạn mức là 27.000.000.000 VND để đầu tư 50 xe Toyota Vios và 40 xe Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 100.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Toyota Vios và 40 xe Kia Morning hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 20.566.588.033 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 14.144.500 VND và chịu lãi suất 10%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2015/231/HĐTD ngày 11 tháng 02 năm 2015 có thời hạn 51 tháng với tổng hạn mức là 4.830.000.000 VND để đầu tư 20 xe Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 100.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 20 xe Hyundai Grand i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.921.591.911 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 3.930.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2014/HĐTDTH ngày 15 tháng 01 năm 2014 có thời hạn 04 năm 03 tháng với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Nissan Sunny hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6.791.188.330 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 3.580.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2013/HĐTDTH ngày 06 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 04 năm với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 01 xe Camry hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 863.165.383 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 463.233.325 VND và chịu lãi suất 11%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (**) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh theo Hợp đồng 001511/HĐTDTHDH/DN ngày 28 tháng 01 năm 2011 có thời hạn 84 tháng với tổng hạn mức là 50.000.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 29 tháng 01 năm 2011 đến ngày 28 tháng 12 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được trả hàng quý. Công ty sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 178.481.717.259 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 182.447.977.647 VND) để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 15). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 14.895.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
- (***) Các khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201301132 ngày 30 tháng 10 năm 2015 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức là 2.478.000.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Mercedes S400. Khoản vay này sẽ được trả tại ngày 25 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ lãi suất 3,5% và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô Mercedes S400 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.583.146.365 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 2.478.000.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201300669 ngày 10 tháng 8 năm 2015 có thời hạn 43 tháng với tổng hạn mức là 871.500.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Hyundai 29 chỗ. Khoản vay này sẽ được trả tại ngày 25 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ lãi suất 3% và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe Hyundai 29 chỗ hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.096.546.668 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 810.699.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201300600 ngày 20 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 1.289.400.000 VND để đầu tư 02 xe ô tô Ford. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần kể từ ngày giải ngân đến ngày 20 tháng 12 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 02 xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.263.146.857 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 603.550.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201300443 ngày 01 tháng 10 năm 2013 có thời hạn 35 tháng với tổng hạn mức là 13.406.400.000 VND để đầu tư 50 xe ô tô Kia. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần kể từ ngày giải ngân đến ngày 10 tháng 01 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 50 xe Kia hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11.037.162.046 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 3.175.743.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(****) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng số 01/2014/231/HĐTDTH ngày 10 tháng 12 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 16.905.000.000 VND để đầu tư 70 xe Hyundai i10. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 16 kỳ vào ngày 25 của tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 cộng biên độ 3,5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 70 xe Hyundai i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 20.185.242.622 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 12.911.380.543 VND và chịu lãi suất 10%/năm.

(*****) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm như sau:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI - HĐTD/13148 ngày 19 tháng 11 năm 2013 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 12.500.000.000 VND để đầu tư 25 xe Toyota Innova. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11.583.780.391 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 6.932.000.000 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI - HĐTD/13156 ngày 10 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 12.620.000.000 VND để đầu tư 50 xe ô tô Kia. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11.735.598.672 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 6.308.000.000 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI - HĐTD/14111 ngày 30 tháng 6 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 5.175.000.000 VND để đầu tư 20 xe ô tô Hyundai. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.272.095.642 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 3.249.000.000 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI - HĐTD/14119 và các phụ lục từ ngày 25 tháng 7 năm 2014 có thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với tổng hạn mức là 20.000.000.000 VND để đầu tư 80 xe ô tô Hyundai. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22.043.838.551 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 13.676.956.522 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI - HĐTD/15156 ngày 30 tháng 10 năm 2015 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 63.413.000.000 VND để đầu tư 80 xe ô tô Toyota Vios, 50 xe ô tô Toyota Innova, 50 xe ô tô Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả ngày 26 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 37.991.139.679 VND (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 11.140.500.000 VND và chịu lãi suất 9,8%/năm.

Các khoản vay dài hạn ngân hàng được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Trong vòng một năm	36.693.454.850	42.035.976.605
Trong năm thứ hai	34.907.295.937	25.352.595.526
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	26.697.811.603	35.375.943.321
	<u>98.298.562.390</u>	<u>102.764.515.452</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	36.693.454.850	42.035.976.605
Số phải trả sau 12 tháng	<u>61.605.107.540</u>	<u>60.728.538.847</u>

- (ii) Các khoản vay cá nhân có thời hạn từ 12 đến 24 tháng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, lãi suất từ 0,62%/tháng đến 1,34%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay công ty con không có thời hạn và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, lãi suất là 0,2% tháng, không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn cá nhân và các công ty con được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Trong vòng một năm	64.373.106.311	-
Trong năm thứ hai	14.433.295.958	73.562.399.878
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	12.438.000.000	12.438.000.000
	<u>91.244.402.269</u>	<u>86.000.399.878</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	64.373.106.311	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>26.871.295.958</u>	<u>86.000.399.878</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(iii) Thông tin chi tiết các khoản nợ dài hạn thuê tài chính của Công ty như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Nợ dài hạn thuê tài chính		
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	4.752.566.642	7.232.166.650
Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	20.732.356.791
	<u>4.752.566.642</u>	<u>27.964.523.441</u>

(*) Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từ ngày 05 tháng 11 năm 2012 đến ngày 05 tháng 11 năm 2017 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 12.398.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất cho thuê cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản nợ dài hạn thuê tài chính này có dư nợ gốc vay là 4.752.566.642 VND và chịu lãi suất 10,8%/năm.

Các khoản nợ dài hạn thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính		
Trong vòng một năm	2.479.600.008	13.788.155.160
Trong năm thứ hai	2.272.966.634	11.903.401.639
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	2.272.966.642
	<u>4.752.566.642</u>	<u>27.964.523.441</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	2.479.600.008	13.788.155.160
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.272.966.634</u>	<u>14.176.368.281</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B09-DN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	486.253.320.000	(12.600.000.000)	6.683.000.000	3.341.000.000	42.113.811.148	525.791.131.148
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.375.199.679	36.375.199.679
Trích lập các quỹ	-	-	4.396.681.884	8.793.363.768	(13.190.045.652)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.911.021.309)	(1.911.021.309)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(23.682.666.000)	(23.682.666.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	486.253.320.000	(12.600.000.000)	11.079.681.884	12.134.363.768	39.705.277.866	536.572.643.518
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	12.134.363.768	(12.134.363.768)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	486.253.320.000	(12.600.000.000)	23.214.045.652	-	39.705.277.866	536.572.643.518
nếu được trình bày lại						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	32.858.829.399	32.858.829.399
Hoàn nhập cổ tức cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	630.000.000	630.000.000
Trích lập các quỹ (i)	-	-	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(3.642.903.000)	(3.642.903.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(23.682.666.000)	(23.682.666.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(632.294.778)	(632.294.778)
Số dư tại ngày 31/12/2015	486.253.320.000	(12.600.000.000)	28.214.045.652	-	40.236.243.487	542.103.609.139

(i) Trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2015 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B09-DN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	48.625.332	48.625.332
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	1.260.000	1.260.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	47.365.332	47.365.332
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

Vốn góp của chủ sở hữu:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 486.253.320.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2014. Tổng số lượng cổ phiếu dự định phát hành là 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 686.253.320.000 VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	16.378	12.345
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý (i)	211.850.533	211.850.533
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Nhôm Yeh Young Việt Nam	112.077.820	112.077.820
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	69.511.470	69.511.470
Ông Tô Thường	29.712.000	29.712.000
Ông Võ Tuấn Dũng	549.243	549.243
	211.850.533	211.850.533

- (i) Các khoản nợ khó đòi đã xử lý theo phê duyệt của Ban Điều Hành do các đối tượng nêu trên không có thông tin liên lạc.

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	267.869.689.650	265.237.818.124
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	8.182.260.181	10.064.963.430
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	4.574.655.814	1.336.881.289
Doanh thu nhượng bán tài sản, vật tư	148.583.245.376	166.386.348.621
Doanh thu cho thuê tài sản	12.653.158.510	34.197.259.048
Doanh thu dịch vụ khác	33.013.518.086	30.889.198.672
	474.876.527.617	508.112.469.184
Trong đó		
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (Giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 39)	127.936.077.567	156.914.011.366

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
		(Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí dịch vụ taxi	249.344.147.699	237.195.507.167
Chi phí dịch vụ xe cho thuê	8.311.535.758	9.846.026.825
Chi phí dịch vụ sửa chữa	2.416.051.731	1.333.896.003
Chi phí nhượng bán tài sản, vật tư	143.502.218.767	156.895.093.165
Chi phí cho thuê tài sản	6.837.066.569	15.989.486.289
Chi phí dịch vụ khác	14.555.045.606	11.961.945.846
	424.966.066.130	433.221.955.295

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
		(Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.292.855.077	82.126.395.249
Chi phí nhân công	126.166.666.484	114.406.925.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.609.372.522	71.492.708.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.213.538.256	38.324.183.138
Chi phí khác bằng tiền	10.305.508.238	8.515.791.170
Chi phí dự phòng	2.131.326.052	4.905.209.948
	322.719.266.629	319.771.214.055

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
		(Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.440.500.216	8.552.494.049
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.248.834.962	24.914.800.000
Lợi nhuận do thanh lý khoản đầu tư	14.757.013.000	-
	45.446.348.178	33.467.294.049

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.855.762.810	32.545.411.455
Lãi thuê tài chính	1.266.078.360	4.138.029.959
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(539.619.970)
	24.121.841.170	36.143.821.444

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2015	2014
	VND	VND
Phí nhãn hiệu (i)	3.443.924.242	3.443.824.243
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	569.335.525	2.299.027.273
Chi phí nhân công	2.081.983.940	2.257.749.613
Các khoản khác	1.734.873.966	555.098.452
	7.830.117.673	8.555.699.581

(i) Chi phí nhãn hiệu phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	20.972.607.577	20.381.160.193
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	3.690.814.841	2.534.426.050
Dự phòng nợ thu khó đòi	2.131.326.052	4.324.627.663
Các khoản khác	6.630.553.123	7.648.438.438
	33.425.301.593	34.888.652.344

35. THU NHẬP KHÁC

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.747.936.069	5.731.116.673
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	53.942.680.382	26.131.628.537
- Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(45.194.744.313)	(20.400.511.864)
Các khoản khác	7.950.301.725	10.156.028.763
	16.698.237.794	15.887.145.436

36. CHI PHÍ KHÁC

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Khấu hao bất động sản đầu tư	3.966.260.388	3.966.260.388
Các khoản khác	3.036.495.490	845.278.969
	7.002.755.878	4.811.539.357

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.179.373.388	4.435.174.220
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.179.373.388	4.435.174.220

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.636.828.358	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(965.133.251)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.636.828.358	(965.133.251)
	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	39.675.031.145	39.845.240.648
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	(22.248.834.962)	(24.914.800.000)
<i>Trừ: Thu nhập thanh lý công ty con đã quyết toán thuế 2014</i>	(10.535.000.000)	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	3.015.046.490	5.229.442.172
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.906.242.673	20.159.882.820
<i>Thu nhập chịu thuế suất</i>	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.179.373.388	4.435.174.220

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 25 trừ đi tiền) và phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	223.159.539.724	224.187.144.250
Trừ: Tiền	8.420.521.065	31.233.786.905
Nợ thuần	214.739.018.659	192.953.357.345
Vốn chủ sở hữu	542.103.609.139	536.572.643.518
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,40	0,36

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	8.420.521.065	31.233.786.905
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.000.000	42.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.823.991.332	51.480.825.905
Tài sản tài chính khác	89.411.000.000	78.411.000.000
	139.697.512.397	161.167.612.810
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	223.159.539.724	224.187.144.250
Phải trả người bán và phải trả khác	76.384.730.089	38.316.167.369
Chi phí phải trả	8.120.714.682	7.939.509.417
	307.664.984.495	270.442.821.036

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều Hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	367.691.039	262.856.448

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Điều Hành sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Điều Hành về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lãi trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	36.769.104	26.285.645

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 2.104.042.245 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.178.484.720 VND).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
VND	+200	(2.104.042.245)
VND	-200	2.104.042.245
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+200	(4.178.484.720)
VND	-200	4.178.484.720

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 39.

Ngoài ra, Công ty còn một số khoản phải thu liên quan đến trả trước cho người bán và phải thu khác lâu ngày nhưng chưa thu hồi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 39.106.377.831 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 39.909.887.960 VND). Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 37.667.911.795 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 35.536.585.743 VND).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	8.420.521.065	-	8.420.521.065
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.000.000	-	42.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.823.991.332	-	41.823.991.332
Tài sản tài chính khác	89.411.000.000	-	89.411.000.000
Tổng cộng	139.697.512.397	-	139.697.512.397

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	132.410.169.592	90.749.370.132	223.159.539.724
Phải trả người bán và phải trả khác	76.384.730.089	-	76.384.730.089
Chi phí phải trả	8.120.714.682	-	8.120.714.682
Tổng cộng	216.915.614.363	90.749.370.132	307.664.984.495

Chênh lệch thanh khoản thuần	(77.218.101.966)	(90.749.370.132)	(167.967.472.098)
-------------------------------------	-------------------------	-------------------------	--------------------------

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	31.233.786.905	-	31.233.786.905
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.000.000	-	42.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.480.825.905	-	51.480.825.905
Tài sản tài chính khác	78.411.000.000	-	78.411.000.000
Tổng cộng	161.167.612.810	-	161.167.612.810

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	63.281.837.244	160.905.307.006	224.187.144.250
Phải trả người bán và phải trả khác	38.316.167.369	-	38.316.167.369
Chi phí phải trả	7.939.509.417	-	7.939.509.417
Tổng cộng	109.537.514.030	160.905.307.006	270.442.821.036

Chênh lệch thanh khoản thuần	51.630.098.780	(160.905.307.006)	(109.275.208.226)
-------------------------------------	-----------------------	--------------------------	--------------------------

Ban Điều Hành đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Điều Hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Hầu hết các khoản phải trả phát sinh từ các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 39 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan*****Các công ty con của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc***

Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương
 Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam
 Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên
 Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình
 Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức
 Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc

Các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh
 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam
 Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh
 Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ
 Công ty TNHH Deluxe Taxi
 Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
 Công ty TNHH Du lịch Mai Linh
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang
 Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam

Khác

Ông Hồ Huy
 Ông Hồ Chương
 Nhóm công ty đồng chủ tịch (là những công ty do ông Hồ Huy, Hồ Chương
 làm chủ tịch, nhưng không thuộc đơn vị thành viên của Tập đoàn)

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con

Chủ sở hữu
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Công ty liên kết
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn
 Cùng tập đoàn

Cổ đông
 Cổ đông
 Cùng chủ
 sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	2.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	408.430.963.786	279.808.703.237
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	306.377.084.631	195.170.511.076
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	23.784.820.243	23.295.794.117
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	21.187.108.556	20.947.108.556
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	10.652.024.788	10.053.068.504
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	5.687.246.126	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	5.325.007.843	672.240.545
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	5.053.795.341	1.082.204.926
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	4.983.833.034
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	4.951.726.955	363.733.329
Ông Hồ Huy	4.083.860.778	1.844.200.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	4.040.597.657	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	3.622.667.818	4.655.502.406
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	3.775.135.398	3.559.729.821
Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	1.500.000.000	534.030.116
Công ty TNHH Mai Linh Thái Bình	1.440.899.517	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	1.138.016.129	418.166.667
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	827.138.972	4.769.397.719
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	-	4.615.116.376
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	-	1.239.357.122
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	-	1.104.708.923
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	-	500.000.000
Cho vay ngắn hạn	22.650.000.000	11.650.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	8.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Cho vay dài hạn	48.215.000.000	48.215.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	86.055.820.952	54.766.102.188
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	51.387.838.839	27.886.765.445
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	17.488.752.504	6.220.067.443
Công ty TNHH Một Thành Viên Mai Linh Bắc Giang	4.154.237.572	4.404.817.218
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	3.785.883.393	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	3.016.738.151	7.437.831.054
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	2.819.748.954	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	2.009.978.378	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	1.392.643.161	2.625.360.929
Ông Hồ Chương	-	6.191.260.099

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Sỏ dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính (Tiếp theo):

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả dài hạn khác	6.000.000.000	11.400.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	-	1.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	-	1.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	-	1.800.000.000
Vay ngắn hạn	22.580.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	6.080.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	3.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	3.000.000.000	-
Vay dài hạn	12.438.000.000	13.938.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	12.438.000.000	12.438.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	-	1.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.546.000.000	18.546.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	16.626.000.000	16.626.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	1.920.000.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.936.077.567	156.914.011.366
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	28.520.750.591	10.967.806.803
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	24.981.077.521	36.767.852.535
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	21.640.844.927	8.781.653.181
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	7.669.227.205	8.570.049.692
Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	6.986.792.733	14.856.623.502
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	5.015.190.157	20.732.483.174
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	4.884.554.077	5.334.156.377
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	4.763.275.700	4.051.211.855
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	3.552.102.795	3.268.770.759
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	3.441.313.715	6.696.663.144
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	3.398.737.841	4.656.138.786
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	2.682.450.455	3.020.937.350
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	2.388.568.093	6.965.684.406
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	1.924.225.666	2.271.054.938
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	1.906.836.473	2.033.300.603
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	1.282.363.351	459.509.536
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	1.222.998.995	1.579.803.159
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	1.020.358.668	2.245.402.481
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	654.408.604	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	-	8.945.454.540
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	-	4.709.454.545

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	2015	2014
	VND	VND
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	21.271.626.933	85.120.980.024
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	16.991.669.827	15.034.597.180
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	3.761.903.249	67.208.035.113
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	86.874.020	2.459.166.546
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	431.179.837	419.181.185
Chi phí tài chính	2.441.666.000	1.474.227.699
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	517.800.000	16.640.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	387.112.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	310.200.000	118.125.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	298.512.000	174.132.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	244.566.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	234.466.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	224.910.000	49.980.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	224.100.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	1.114.813.333
Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	-	537.366
Doanh thu tài chính	26.512.030.032	29.970.282.696
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	4.500.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	3.836.100.000	4.053.633.333
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	3.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	2.810.995.070	3.374.549.363
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	2.500.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ Phần Mai Linh Hạ Long	1.717.366.666	2.986.700.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	1.500.000.000	505.500.000
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	1.293.300.000	2.779.500.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	1.000.000.000	500.000.000
Công ty Cổ Phần Mai Linh Thủ Đô	700.000.000	1.312.500.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	568.868.296	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	555.200.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	500.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	500.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	500.000.000	420.500.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	491.400.000	491.400.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu Tư Hồ Huy	298.800.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	240.000.000	46.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	-	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	-	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	-	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**Thu nhập của Ban Điều Hành:**

Thu nhập Ban Điều Hành được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành	4.263.920.741	2.598.819.000
	4.263.920.741	2.598.819.000

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm không bao gồm 7.953.466.666 VND, là số cổ tức đã được bù trừ công nợ trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong năm không bao gồm 3.769.110.225 VND (năm 2014 là 11.430.492.500 VND) là số cổ tức chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 24.597.300.000 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

41. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 10 tháng 5 năm 2016, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quyết định số 252/QĐUQ.CTHĐQT về việc quy định thẩm quyền quản lý tài chính và điều chỉnh quy định thẩm quyền công tác quản lý và phát triển nguồn nhân lực tại Mai Linh Miền Bắc. Theo đó, tất cả các vấn đề liên quan đến công tác quản lý và phát triển nguồn nhân lực đối với cán bộ công nhân viên thuộc Mai Linh Miền Bắc và các đơn vị trực thuộc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty là người có thẩm quyền phê duyệt cuối cùng đối với tất cả các văn bản chủ trương và quyết định nhân sự sau khi có ý kiến tham mưu của các đơn vị chức năng liên quan.

Ngày 20 tháng 5 năm 2016, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành quyết định số 02/QĐMN-HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng đối với Bà Trịnh Thị Thu và quyết định số 01/QĐBN về việc bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng đối với Ông Trịnh Bá Cường.

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

42. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số
A. Bảng cân đối kế toán			A. Bảng cân đối kế toán			A. Bảng cân đối kế toán	
I. Tài sản			I. Tài sản			I. Tài sản	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	75.996.000.000	1. Chứng khoán kinh doanh	121	346.000.000	1. Chứng khoán kinh doanh	121
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(304.000.000)	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(304.000.000)	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122
3. Phải thu khách hàng	131	50.958.286.450	3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	50.958.286.450	3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131
4. Trả trước cho người bán	132	3.407.340.330	4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.407.340.330	4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132
5. Không có chỉ tiêu tương ứng			5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11.650.000.000	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135
6. Các khoản phải thu khác	135	320.016.253.586	6. Phải thu ngắn hạn khác	136	391.400.521.392	6. Phải thu ngắn hạn khác	136
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	7.384.267.806	7. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	7. Tài sản ngắn hạn khác	155
8. Không có chỉ tiêu tương ứng			8. Phải thu về cho vay dài hạn	215	48.215.000.000	8. Phải thu về cho vay dài hạn	215
9. Phải thu dài hạn khác	218	-	9. Phải thu dài hạn khác	216	1.517.485.558	9. Phải thu dài hạn khác	216
10. Bất động sản đầu tư	240	182.447.977.647	10. Bất động sản đầu tư	230	182.447.977.647	10. Bất động sản đầu tư	230
11. Đầu tư dài hạn khác	258	66.761.000.000	11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18.546.000.000	11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253
12. Tài sản dài hạn khác	268	1.517.485.558	12. Tài sản dài hạn khác	268	-	12. Tài sản dài hạn khác	268

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

42. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi	
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014		
A. Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)							
II. Nguồn vốn							
1. Phải trả người bán	312	11.491.467.003	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11.491.467.003	Đổi tên và đổi mã số	
2. Người mua trả tiền trước	313	1.099.958.532	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.099.958.532	Đổi tên và đổi mã số	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.997.587.653	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.997.587.653	Đổi mã số	
4. Phải trả người lao động	315	4.879.360.386	4. Phải trả người lao động	314	4.879.360.386	Đổi mã số	
5. Chi phí phải trả	316	7.939.509.417	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	7.939.509.417	Đổi tên và đổi mã số	
6. Không có chỉ tiêu tương ứng			6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	79.050.000.000	Bổ sung khoản mục mới	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	134.793.304.535	7. Phải trả ngắn hạn khác	319	134.793.304.535	Đổi tên	
8. Vay và nợ ngắn hạn	311	63.281.837.244	8. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	63.281.837.244	Đổi tên và đổi mã số	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	828.292.897	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	828.292.897	Đổi mã số	
10. Phải trả dài hạn khác	333	267.868.924.843	10. Phải trả dài hạn khác	337	267.868.924.843	Đổi tên và đổi mã số	
11. Vay và nợ dài hạn	334	160.905.307.006	11. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	160.905.307.006	Đổi tên và đổi mã số	
12. Doanh thu chưa thực hiện	338	79.050.000.000	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		- Phân loại lại, đổi tên, đổi mã số	
13. Vốn điều lệ	411	486.253.320.000	13. Vốn góp của chủ sở hữu	411	486.253.320.000	Đổi tên	
14. Cổ phiếu quỹ	414	(12.600.000.000)	14. Cổ phiếu quỹ	415	(12.600.000.000)	Phân loại lại và đổi mã số	
15. Quỹ đầu tư phát triển	417	11.079.681.884	15. Quỹ đầu tư phát triển	418	23.214.045.652	Phân loại lại và đổi mã số	
16. Quỹ dự phòng tài chính	418	12.134.363.768	16. Không có chỉ tiêu tương ứng			Không còn khoản mục này	
17. Lợi nhuận chưa phân phối	420	39.705.277.866	17. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	39.705.277.866	Đổi tên và đổi mã số	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN

42. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	2014
B. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			B. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	553.783.395.315	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	508.112.469.184
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3.419.496.995	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	550.363.898.320	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	508.112.469.184
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	490.590.501.771	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	433.221.955.295
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	59.773.396.549	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	74.890.513.889
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	44.795.294.049	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33.467.294.049
7. Chi phí bán hàng	24	20.515.742.628	7. Chi phí bán hàng	25	8.555.699.581
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	13.020.474.182	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	28.769.634.569
9. Thu nhập khác	31	52.036.817.687	9. Thu nhập khác	31	15.887.145.436
10. Chi phí khác	32	25.212.051.221	10. Chi phí khác	32	4.811.539.357
11. Lợi nhuận khác	40	26.824.766.466	11. Lợi nhuận khác	40	11.075.606.079

(Signature)

Nguyễn Văn Nga
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

(Signature)

Trịnh Bá Cường
Kế toán trưởng

Hồ Hữu
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đại diện theo Pháp luật

